TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và bà Chu Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Hương L, sinh năm 1983; Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Hiện nay chị L đang ở Đài Loan, không rõ địa chỉ cụ thể, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai Anh Nguyễn Quang K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Ngô Thị Hương L, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT: Thôn P (nay là thôn P), xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2004 tại UBND xã T, huyện D (nay là UBND xã T, thành phố P), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn chục năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và cách sống. Vợ chồng cũng đã cố gắng tự hàn gắn và được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019. Khoảng tháng 3 năm 2019, chị L đi Đài Loan xuất khẩu lao động. Từ đó

đến nay, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang N, sinh năm 2004 (con trai) và cháu Nguyễn An , sinh ngày 11/02/2011 (con gái). Hiện nay, cháu Nam đang học trường Đại học Xây dựng ở Hà Nội và cháu H đang ở với ông bà ngoại tại Thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Khi vợ chồng ly hôn anh đề nghị: Đối với cháu N đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu H, hiện đang ở cùng với ông bà ngoại, nên để tránh sự xáo trộn trong sịnh hoạt và học tập của cháu, anh nhất trí giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong lúc chị L không có nhà, nhờ ông bà ngoại thay chị L chăm sóc cháu H. Mỗi tháng anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hà là: 1.500.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của ông Ngô Văn C là bố đẻ chị L cung cấp như sau: Chị L kết hôn với anh K vào năm 2004, khi cưới được gia đình hai bên tổ chức theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà chồng và sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Quang N, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn An H, sinh ngày 11/02/2011. Khoảng tháng 4/2019 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về lần nào, từ khi chị L đi Đài Loan thì cháu N và H sang gia đình ông ở và vợ chồng ông là người trực tiếp nuôi các cháu. Về nguyên nhân mâu thuẫn hai vợ chồng chị L là do anh K không tu trí làm ăn dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật ông nhất trí. Đối với cháu N trên 18 tuổi ông không có ý kiến gì, đối với cháu H đang học lớp 6, ông đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam, ông xin tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, khi nào chị L về ông giao trả các cháu cho chị L.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam không tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và không tiến hành hòa giải do anh K từ chối và vắng mặt đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 37, 38, 47, 48, 195, 196, 220, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa Anh Nguyễn Quang K và Chị Ngô Thị Hương L. Về con chung: Cháu Nguyễn Quang N đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Giao cháu Nguyễn An H, sinh

ngày 11/02/2011 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 1.500.000 đồng/1 tháng.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Chị Ngô Thị Hương L đang sống ở Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại Công văn số 8073/QLXNC-P5 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định: Chị Ngô Thị Hương L xuất cảnh ngày 05/3/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Anh K và ông Ngô Văn C là bố chị L đều cung cấp hiện tại chị L đang ở Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị L thông qua bố đẻ của chị L là ông Ngô Văn C và tiến hành niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho chị L được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời Tòa án đã 02 lần yêu cầu bố đẻ chị L là ông Ngô Văn C cung cấp địa chỉ cụ thể của chị L tại Đài Loan và thông báo cho chị L biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Chị L không gửi bản tự khai, vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh K:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang K và Chị Ngô Thị Hương L khi cưới có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2004 tại UBND xã T, huyện D (nay là UBND xã T, thành phố P), tỉnh Hà Nam, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được hơn chục năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và cách sống. Vợ chồng cũng đã cố gắng tự hàn gắn và được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019. Khoảng tháng 3 năm 2019, chị L đi Đài Loan xuất khẩu lao động. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị L. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K xin ly hôn với chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang N, sinh năm 2004 (con trai) và cháu Nguyễn An H, sinh ngày 11/02/2011 (con gái). Cháu N đã trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết. Cháu Nguyễn An H hiện đang ở cùng ông bà ngoại và có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Khi ly hôn anh K nhất trí giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, trong thời gian chị L đi vắng anh K nhất trí để ông C bà M là ông bà ngoại cháu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà đến khi chị L về sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Xét thấy sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, đến năm 2019 chị L đi nước ngoại lao động, cháu Hà vẫn được ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án anh K nhất trí để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Ông C bà M đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H trong thời gian chị L đi lao động. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và học tập của cháu H và phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự cần giao cháu Nguyễn An H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. do chị L không ở Việt Nam nên chấp nhận đề nghị của anh K tạm giao cháu H cho ông C bà M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, khi chị L về Việt Nam sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Anh K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L là: 1.500.000 đồng/1 tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì chị L đang ở Đài Loan không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh K, chị L phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh K tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 56, 81, 82, 83Luật Hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa Anh Nguyễn Quang K và Chị Ngô Thị Hương L.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn An H, sinh ngày 11/02/2011 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu H đủ 18 tuổi, do chị L đang ở Đài Loan nên chấp nhận đề nghị của anh K, tạm giao cháu Hà cho ông C bà M là bố, mẹ đẻ của chị L trực tiếp nuôi dưỡng, khi chị L về Việt Nam sẽ tiếp tục nuôi dưỡng,

chăm sóc cháu H. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H cho chị L 1.500.000 đồng/1 tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp chị L có tranh chấp về con chung, tài sản chung, riêng, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang K phải chịu 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số 0001548 ngày 24/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, anh K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Chị L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Các đương sự;
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Tiên Hiệp;
- Lưu hồ sơ, Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn San